

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 01/TCHQ-GQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 4 năm 1992

THÔNG TƯ
CỦA TỔNG CỤC HẢI QUAN
Hướng dẫn thi hành

Nghị định số 110/HĐBT ngày 31-3-1992 của Hội đồng
Bộ trưởng về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

A. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Thông tư này là một bộ phận không tách rời các văn bản pháp quy về mặt nghiệp vụ hải quan trong tổ chức thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- Thông tư này thay thế Thông tư số 114/TCHQ-PC ngày 1-2-1988 của Tổng cục Hải quan và các văn bản khác của Tổng cục Hải quan trái với nội dung thông tư này.
- Thông tư này không nhắc lại những điểm đã được quy định rõ tại Nghị định 110/HĐBT ngày 31/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng và Thông tư số 08-TC/TCT ngày 31/3/1992 của Bộ Tài chính mà chỉ hướng dẫn những điểm thuộc trách nhiệm tổ chức thực hiện của cơ quan hải quan được quy định tại Nghị định 110/HĐBT nêu trên.

B. THỦ TỤC KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI
HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

I. THỦ TỤC KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG
XUẤT NHẬP KHẨU THUỘC DIỆN CHỊU THUẾ

- Thủ tục khai hàng và thông báo thuế.
 - Đối với hàng xuất nhập khẩu theo hợp đồng thương mại (hàng mậu dịch cũ)
 - Hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu theo hợp đồng thương mại được làm thủ tục khai báo và nộp thuế tại bất cứ Hải quan cấp tỉnh, thành phố nào mà tổ chức, cá nhân nộp thuế thấy

thuận tiện nhất.

Riêng với những cửa khẩu ở xa Hải quan tỉnh, thủ tục Hải quan có thể được tiến hành ở tại Hải quan cửa khẩu.

b. Tổ chức, cá nhân khi đến Hải quan tỉnh, thành phố hoặc Hải quan cửa khẩu làm thủ tục khai báo để xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá phải làm tờ khai hàng theo mẫu thống nhất do Tổng cục Hải quan ban hành.

Phải nộp các giấy tờ sau:

Tờ khai hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu: 3 tờ

Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng: 3 tờ

Bảng kê chi tiết về hàng hoá: 2 bản

Hợp đồng bán hàng hoặc mua hàng : 1 bản

(bản sao có giá trị pháp lý)

Riêng đối với những tổ chức, cá nhân xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá với các nước có ký kết điều khoản ưu đãi trong quan hệ buôn bán với Việt Nam phải nộp thêm giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá.

Trường hợp hợp đồng bán hàng theo giá tại cửa khẩu đến (bao gồm cả phí vận tải và phí bảo hiểm) và mua hàng theo giá tại cửa khẩu đi (không có phí vận tải và phí bảo hiểm) thì phải nộp các chứng từ về phí bảo hiểm và phí vận tải.

Phải xuất trình các giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận quy cách phẩm chất nếu có ghi trong hợp đồng.

Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Vận tải đơn (đối với hàng nhập khẩu).

c. Kể từ ngày đăng ký tờ khai nếu quá 15 ngày đối với hàng xuất khẩu, quá 30 ngày đối với hàng nhập khẩu nhưng hàng hoá chưa thực tế xuất khẩu hoặc nhập khẩu thì việc kê khai hàng hoá xuất nhập khẩu và thông báo thuế đối với hàng hoá đó không còn giá trị, khi có hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu phải làm lại đăng ký tờ khai mới và Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ vào thời điểm đăng ký tờ khai mới để tính thuế và thông báo thuế:

1.2. Đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hình thức khác (phi mậu dịch cũ)

a) Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo hình thức khác phải làm thủ tục Hải quan và nộp thuế tại Hải quan cửa khẩu xuất hoặc nhập khẩu hàng.

Đối với loại hàng đặc biệt nếu cần bảo quản theo chế độ riêng, chủ hàng có thể làm đơn xin đưa về kho riêng để làm thủ tục và phải được Hải quan cấp tỉnh trở lên đồng ý.

b) Tổ chức, cá nhân khi đến Hải quan cửa khẩu làm thủ tục khai báo để xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng hoá phải nộp các giấy tờ sau:

Tờ khai hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu: 2 bản

Bản kê chi tiết hàng: 1 bản

Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu

(đối với loại hàng phải có giấy phép): 2 bản

Giấy phép của các cơ quan quản lý chuyên ngành (đối với hàng phải xin phép): 1 bản

Vận tải đơn (đối với hàng nhập khẩu): 1 bản

Riêng hàng xuất khẩu, nhập khẩu của người Việt Nam định cư ở nước ngoài vẫn dùng sổ nhận hàng thay giấy phép. Đối với hành lý xuất khẩu hoặc nhập khẩu phải làm đầy đủ thủ tục hải quan khi xuất khẩu hoặc nhập khẩu và nộp thuế nếu hàng thuộc loại có thuế mà vượt định lượng được miễn thuế theo quy định tại Thông tư 968/TCHQ-PC ngày 15/10/1991 của Tổng cục Hải quan. Riêng hàng xuất nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, Hải quan tỉnh, thành phố và Hải quan cửa khẩu, sau khi tiếp nhận, kiểm tra tờ khai hàng, giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu và các giấy tờ khác kèm theo, phải kiểm tra danh sách nợ thuế quá 90 ngày. Nếu các giấy tờ trên hợp lệ và không có tên trong danh sách nợ thuế quá 90 ngày thì đóng dấu "ngày tiếp nhận" đồng thời ghi rõ số tờ khai, ngày, giờ và nơi đăng ký tờ khai lên phía trên trang đầu tờ khai. Nếu là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách nợ thuế quá 90 ngày thì không được tiếp nhận và đăng ký tờ khai.

2. Thủ tục xuất trình hàng để kiểm hoá.

2.1. Đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hợp đồng thương mại.

a. Việc kiểm hoá có thể do Hải quan tỉnh, thành phố hoặc Hải quan cửa khẩu thực hiện, tùy theo điều kiện thực tế thuận tiện cho việc xuất nhập khẩu và điều kiện quản lý, kiểm tra Hải quan do Giám đốc Hải quan tỉnh và thành phố xem xét quyết định.

b. Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp thuế yêu cầu kiểm hoá tại những điểm ngoài phạm vi cửa khẩu thì phải được Hải quan tỉnh, thành phố chấp nhận bằng văn bản. Địa điểm kiểm hoá ngoài phạm vi cửa khẩu phải là những khu, bãi đủ các điều kiện an toàn hàng hoá, thuận tiện cho việc vận chuyển và tiến hành thủ tục kiểm tra, giám sát Hải quan. Hàng hoá vận chuyển từ cửa khẩu đến các kho bãi và ngược lại phải có cán bộ hải quan áp tải.

c. Hàng hoá phải được kiểm hoá trước mặt người khai hàng và người khai hàng phải chịu mọi phí tổn trong việc đóng mở hoặc vận chuyển hàng.

Cán bộ Hải quan tiến hành kiểm hoá bằng cách đối chiếu giấy phép, tờ khai hàng và các giấy tờ kèm theo với thực tế để xác định: tên hàng, số lượng, trọng lượng, quy cách phẩm chất, giá hàng và xuất xứ hàng hoá.

Phương pháp kiểm hoá cụ thể đối với mỗi loại hàng do Hải quan tỉnh, thành phố quy định theo Thông tư số 117/TCHQ-PCXL ngày 02/2/1988.

d. Ngày, giờ kiểm hoá do Hải quan và tổ chức, cá nhân nộp thuế thoả thuận.

Tổ chức và cá nhân nộp thuế phải bảo đảm cho việc kiểm hoá của Hải quan được tiến hành theo đúng thời gian đã được thoả thuận. Nếu tổ chức và cá nhân cần thay đổi thời gian và địa điểm kiểm hoá thì phải thông báo cho Hải quan biết trước ít nhất 6 giờ và đăng ký lại ngày, giờ, địa điểm kiểm hoá. Nếu đúng ngày, giờ đăng ký kiểm hoá cán bộ hải quan đến địa điểm kiểm hoá mà việc kiểm hoá không thực hiện được thì cán bộ hải quan phải lập biên bản vi phạm thủ tục hải quan và tổ chức, cá nhân nộp thuế phải thanh toán mọi phí tổn cho Hải quan. Trường hợp Hải quan chưa thể cử cán bộ đến kiểm hoá được theo đúng ngày giờ thoả thuận thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp thuế biết trước ít nhất 6 giờ. Nếu không thông báo trước thì tổ chức, cá nhân nộp thuế có thể lập biên bản chứng nhận và yêu cầu Hải quan chịu trách nhiệm thanh toán mọi phí tổn phát sinh cho tổ chức, cá nhân nộp thuế.

Việc kiểm hoá của Hải quan chỉ làm một lần. Trong trường hợp cần thiết phải kiểm hoá lần thứ hai thì phải do Giám đốc Hải quan cấp tỉnh, thành phố trở lên quyết định.

e. Sau khi kiểm hoá, cán bộ kiểm hoá phải ghi rõ và ký tên vào tất cả các tờ khai hàng, về phương pháp kiểm hoá, kết quả kiểm hoá, nhận xét. Mọi trường hợp phát hiện hàng hoá thừa, thiếu, không đúng với giấy phép, tờ khai và các giấy tờ khác liên quan, Hải quan phải lập biên bản ngay tại chỗ, có xác nhận của người khai hàng để gửi về Hải quan tỉnh, thành phố xử lý.

Riêng hàng xuất khẩu nếu có một phần hàng kém phẩm chất thì lập biên bản chứng nhận để yêu cầu tổ chức, cá nhân nộp thuế tái chế hoặc thay thế bằng hàng cùng loại đúng phẩm chất rồi mới được xuất khẩu. Người khai hàng phải ký xác nhận kết quả kiểm hoá vào tất cả các tờ khai hàng.

g. Trên cơ sở kết quả kiểm hoá, trưởng phòng nghiệp vụ (Giám quản) hoặc trưởng Hải quan cửa khẩu được quyền quyết định:

Nếu đủ điều kiện thì cho xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Nếu chưa đủ điều kiện thì chưa cho hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Nếu chưa đủ điều kiện thì chưa cho hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu.

Trong các trường hợp trên phải ghi rõ vào tất cả các tờ khai hàng: "Đủ điều kiện xuất khẩu hoặc nhập khẩu" hoặc "Chưa đủ điều kiện xuất khẩu hoặc nhập khẩu". Nếu là lô hàng đã phải có những biên bản như trên thì phần quyết định phải ghi nhận rõ kết quả đã giải quyết.

h. Sau khi hoàn tất việc kiểm hoá Hải quan tỉnh phải:

Đối với hàng xuất khẩu: Làm phiếu gửi 3 tờ khai hàng và 2 bản kê chi tiết hàng cho Hải quan cửa khẩu để tiến hành kiểm tra giám sát và chứng nhận thực xuất. Các giấy tờ còn lại lưu tại Hải quan tỉnh, thành phố để theo dõi thanh khoản.

Đối với hàng nhập khẩu : Trên cơ sở 3 tờ khai hàng và các giấy tờ kèm theo, phòng nghiệp vụ (Giám quản) có trách nhiệm thanh khoản giấy phép và kết thúc thủ tục hải quan.

2.2. Đối với hàng hoá xuất nhập khẩu theo hình thức khác.

Tổ chức, cá nhân có hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu có nhiệm vụ khai báo hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, xuất trình các giấy tờ kèm theo quy định để cán bộ hải quan kiểm hoá. Hải quan tiến hành kiểm hoá bằng cách đối chiếu tờ khai, giấy phép và các giấy tờ liên quan với thực tế hàng hoá để xác định tên hàng, số lượng, trọng lượng hàng hoá, quy cách phẩm chất hàng hoá, trị giá hàng hoá.

Sau khi kiểm hoá cán bộ kiểm hoá phải ghi rõ kết quả kiểm hoá và ký tên vào tất cả các tờ khai.

3. Việc kiểm tra, chứng nhận thực xuất thực nhập và kết thúc thủ tục hải quan.

3.1. Đối với hàng xuất nhập khẩu theo hợp đồng thương mại.

a. Đối với hàng xuất khẩu.